

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Thái Nguyên, năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT 2024
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Ngày 28 tháng 12 năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN
(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Đặng Văn Huy

Ngày 26 tháng 12 năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
(Ký tên, đóng dấu)



TM. UBND TP. THÁI NGUYÊN
KT. CHỦ TỊCH :
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Tuệ

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ.....	1
I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	4
II. ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	17
1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch	17
2. Kế hoạch thu hồi các loại đất	17
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất.....	17
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng	17
5. Danh mục các công trình, dự án	17
6. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.....	18
7. Hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất năm 2021	18
III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....	18
IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	19

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết của đăng ký kế hoạch sử dụng đất

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 tại Điều 54 đã quy định: “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Tại Mục 2, Chương 2 Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” là một trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai nhằm phân bổ hợp lý đất đai cho các mục đích, đối tượng sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng về đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính trong một khoảng thời gian xác định. Nguyên tắc, nội dung, căn cứ lập và thẩm định, xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp được quy định cụ thể tại Chương IV của Luật Đất đai năm 2013 (từ Điều 35 đến Điều 51). Tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 40 Luật Đất đai năm 2013 đã quy định căn cứ, nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp thành phố. Đây là một nội dung mới trong Luật Đất đai năm 2013 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực...; cụ thể hóa khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Thành phố Thái Nguyên là thành phố miền núi của tỉnh Thái Nguyên, có vị trí rất thuận lợi vì là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của cả tỉnh.

Với mục tiêu xây dựng thành phố Thái Nguyên trở thành thành phố phát triển theo hướng hiện đại, phát triển nền kinh tế dựa trên những nền tảng toàn diện, bền vững. Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ; xây dựng đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và chương trình xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Với mục tiêu như trên sẽ làm phát sinh khá lớn nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích, đối tượng sử dụng trong năm 2024 và những năm tiếp theo. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên đã được phê duyệt tạo thuận lợi để phát triển kinh tế của thành phố, tuy nhiên trong thời kỳ phát triển kinh tế nhanh chóng hiện nay thường xuyên có sự biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố. Vì vậy, việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là cần thiết.

2. Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên:

2.1. Mục đích

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Đảm bảo đủ quỹ đất đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong đó ưu tiên cho các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, công nghiệp và đô thị, tạo đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cũng như của tỉnh.

- Bố trí quỹ đất hợp lý để đảm bảo mục tiêu quốc phòng, an ninh.

- Bố trí sử dụng đất cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng của thành phố trong bối cảnh của tỉnh, vùng và cả nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Khoanh định, phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các cấp, các đối tượng sử dụng trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chồng chéo và lãng phí trong quá trình sử dụng.

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng và tiềm năng đất đai của thành phố để có kế hoạch và phương án đầu tư, sử dụng hợp lý các danh mục công trình, dự án trong năm 2024.

- Là cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất...

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

2.2. Nội dung

Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên chủ yếu tập trung xác định một số chỉ tiêu sử dụng đất chủ yếu sau:

- Xác định diện tích đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, trong đó làm rõ diện tích đất lúa nước, đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất.

- Xác định diện tích đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, trong đó làm rõ diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất quốc phòng, đất an ninh, đất di tích danh thắng, đất tôn giáo, tín ngưỡng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất phát triển hạ tầng, đất đô thị...

- Các nhu cầu sử dụng đất phải được tính toán cụ thể đến từng công trình, từng đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện trong năm 2023, phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Thái Nguyên, đồng thời phải đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và những yêu cầu cụ thể trong giai đoạn.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành khác của thành phố và của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Sử dụng hợp lý vốn đầu tư, đất đai và tài nguyên khác.

2.3. Nhiệm vụ

- Xác định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đánh giá các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, các lợi thế và hạn chế của địa phương, làm cơ sở đề xuất phương án kế hoạch;

- Xây dựng phương án kế hoạch, xác định nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực cho việc thực hiện kế hoạch;

2.4. Phạm vi lập kế hoạch sử dụng đất

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được lập trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

3. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

4. Bộ cục báo cáo

Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, ngoài phần đặt vấn đề, bao gồm các nội dung chính sau:

- **Phần I:** Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- **Phần II:** Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024.
- **Phần III:** Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.
- **Phần IV:** Kết luận và kiến nghị.

5. Sản phẩm

Sản phẩm đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên bao gồm:

1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên;
2. Bản đồ đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên, tỷ lệ 1:25.000;
3. Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Thái Nguyên.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Thái Nguyên nằm ở trung tâm tỉnh Thái Nguyên, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ;
- Phía Nam giáp thị xã Sông Công;
- Phía Tây giáp huyện Đại Từ;
- Phía Đông giáp huyện Phú Bình.

Thành phố với tổng diện tích tự nhiên 222,11km² và 32 đơn vị hành chính (gồm 21 phường và 11 xã) có vị trí chiến lược, quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh miền núi phía Bắc. Là trung tâm giao lưu văn hoá của vùng Việt Bắc, là đầu mối giao thông trực tiếp liên hệ giữa các tỉnh miền xuôi nhất là thủ đô Hà Nội với các tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam: Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang. Với vị trí địa lý như trên, thành phố Thái Nguyên có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế xã hội không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai, nhất là trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và trở thành một đô thị trung tâm của khu vực trung du miền núi phía Bắc.

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình của thành phố Thái Nguyên được coi như miền đồng bằng riêng của tỉnh Thái Nguyên. Ruộng đất tập trung ở hai bên bờ sông Cầu và sông Công được hình thành bởi sự bồi tụ phù sa của hai con sông này. Tuy nhiên, vùng này vẫn mang tính chất, dáng dấp của địa mạo trung du với kiểu bậc thềm phù sa và bậc thang nhân tạo, thềm phù sa mới và bậc thềm pha tích (đất dốc tụ). Khu vực trung tâm thành phố tương đối bằng phẳng, địa hình còn lại chủ yếu là đồi bát úp, càng về phía Tây bắc thành phố càng có nhiều đồi núi cao.

Nhìn chung, địa hình thành phố khá đa dạng phong phú, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mặt khác tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp phù hợp với kinh tế trang trại kết hợp giữa đồi rừng, cây ăn quả và các loại cây công nghiệp khác như chè, các loại cây lấy gỗ.

1.3. Khí hậu

Thành phố Thái Nguyên mang những nét chung của khí hậu vùng Đông bắc Việt Nam, thuộc miền nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh giá ít mưa, mùa hè nóng ẩm mưa nhiều. Do đặc điểm địa hình của vùng đã tạo cho khí hậu của thành phố có những nét riêng biệt.

Tổng số giờ nắng trung bình năm khoảng 1.617 giờ. Nhiệt độ cao tuyệt đối là 39,5°C, nhiệt độ trung bình cao nhất trong năm vào tháng 7 là 28,5°C, thấp nhất vào tháng 1 là 15,5°C. Lượng mưa trung bình hàng năm 2.025,3mm. Lượng mưa phân bố không đều theo không gian và thời gian, có chênh lệch lớn giữa mùa mưa và mùa khô. Về mùa mưa cường độ lớn, lượng mưa chiếm 87% tổng lượng mưa trong năm (từ tháng 5 đến tháng 10) trong đó, riêng lượng mưa tháng 8 chiếm đến gần 30% tổng lượng mưa cả năm nên đôi khi gây ra tình trạng lũ lụt lớn. Thành phố có độ ẩm không khí cao, độ ẩm trung bình năm là 82%. Mùa hè từ tháng 4 đến tháng 10 gió đông nam chiếm ưu thế tuyệt đối, nóng ẩm mưa nhiều. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 3, gió đông bắc chiếm ưu thế, lượng mưa ít thời tiết khô hanh.

Như vậy, khí hậu thành phố Thái Nguyên tương đối thuận lợi cho việc phát triển một hệ sinh thái đa dạng và bền vững, thuận lợi cho phát triển ngành nông-lâm nghiệp và là nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

1.4. Thủy văn

Trên địa bàn thành phố có sông Cầu chảy qua địa bàn, con sông này bắt nguồn từ Bắc Kạn chảy qua thành phố ở đoạn hạ lưu dài khoảng 25km, lòng sông mở rộng từ 70–100 m. Về mùa lũ lưu lượng đạt 3500m³/giây, mùa kiệt 7,5m³/giây.

Sông Công chảy qua địa bàn thành phố 15 km, được bắt nguồn từ vùng núi Ba Lá thuộc huyện Định Hoá. Lưu vực sông này nằm trong vùng mưa lớn nhất của thành phố, vào mùa lũ, lưu lượng đạt 1.880 m³/giây, mùa kiệt 0,32m³/giây. Đặc biệt, trên địa bàn thành phố có Hồ Núi Cốc (nhân tạo) trên trung lưu sông Công, có khả năng trữ nước vào mùa mưa lũ và điều tiết cho mùa khô hạn.

1.5. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo kết quả tổng hợp trên bản đồ thổ nhưỡng năm 2005 tỉnh Thái Nguyên tỷ lệ 1:50.000 cho thấy thành phố có các loại đất chính sau:

- *Đất phù sa*: diện tích là 3.623,38 ha chiếm 20,46% tổng diện tích tự nhiên. Loại đất này rất thích hợp trồng lúa và hoa màu.

- *Đất bạc màu*: diện tích là 1.147,88 ha chiếm 6,48% tổng diện tích tự nhiên, trong đó gồm có đất: Bạc màu phát triển trên phù sa cổ có sản phẩm

feralitic trên nền cơ giới nặng, nhẹ, trung bình và đất dốc tụ bạc màu có sản phẩm feralit thích hợp với trồng lúa - màu, cây công nghiệp ngắn ngày.

- *Đất xám feralit*: diện tích 7.614,96 ha chiếm 43% tổng diện tích tự nhiên, trong đó gồm các loại đất: đất xám feralit trên đá cát; đất xám feralit trên đá sét; đất xám feralit màu nâu vàng phát triển trên phù sa cổ. Đất này thích hợp trồng rừng, trồng chè, cây ăn quả, cây trồng hàng năm.

b. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt trên địa bàn thành phố phân bố không đều theo các vùng lãnh thổ và theo thời gian. Lượng mưa chiếm khoảng 80% lượng nước trong năm. Hiện nay nguồn nước mặt mới chỉ cung cấp cho 85 - 90% diện tích đất canh tác.

Nguồn nước ngầm: nhìn chung thành phố có nguồn nước ngầm phong phú, hiện tại nhân dân đang khai thác sử dụng trong sinh hoạt dưới các hình thức là giếng khơi và giếng khoan.

c. Tài nguyên rừng

Rừng của thành phố Thái Nguyên chủ yếu là rừng non, rừng trồng theo chương trình PAM, 327, nhìn chung trữ lượng thấp, nguồn thu từ kinh tế vườn rừng hầu như không đáng kể.

d. Tài nguyên khoáng sản

Thành phố Thái Nguyên có hai tuyến sông lớn chảy qua là sông Cầu và sông Công. Hàng năm, cung cấp cho thành phố một lượng cát sỏi xây dựng khá lớn, đủ đáp ứng nhu cầu xây dựng cho toàn thành phố. Ngoài ra, thành phố còn nằm trong vùng sinh khoáng Đông bắc Việt Nam, thuộc vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương có mỏ than Khánh Hoà thuộc xã Phúc Hà có trữ lượng than khá lớn.

e. Tài nguyên nhân văn

Thành phố Thái Nguyên có 32 đơn vị hành chính trong đó có 21 phường và 11 xã. Trên địa bàn thành phố có đông đảo đội ngũ sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (*đứng thứ 3 cả nước*). Đây là nguồn lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phục vụ sự nghiệp phát triển của thành phố, của tỉnh và cả nước.

1.6. Thực trạng môi trường

- Thành phố chịu ảnh hưởng do ô nhiễm bụi và khí thải của khu công nghiệp Gang Thép, vùng ô nhiễm đã gây ảnh hưởng tới các khu dân cư và môi trường sinh thái nói chung trên địa bàn thành phố.

- Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đã thải khoảng 400 m³/ngày, nước thải đã gây hiện tượng ô nhiễm suối Mỏ Bạch và nguồn nước sông Cầu. Vấn đề này cần phải giải quyết tốt cả hiện tại và tương lai.

- Ngoài ra còn phải kể đến lượng rác thải sinh hoạt, bệnh viện, trường học, rác thải sinh hoạt đã đang tạo một sức ép rất lớn đến môi trường chung của thành phố.

2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Năm 2023, trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội của thành phố đối mặt với nhiều khó khăn do bối cảnh suy thoái kinh tế chung của thế giới và trong nước, song dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, cùng với sự đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng và nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân nên các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội có nhiều tích cực, an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của thành phố đạt được như sau:

2.1. Hoạt động Dịch vụ - Thương mại

Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ còn gặp một số khó khăn nhưng nhìn chung đã cơ bản ổn định. UBND thành phố đã chỉ đạo nhiều giải pháp cụ thể để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung ứng hàng hoá kịp thời, đa dạng, phong phú về chủng loại và mẫu mã, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Các cơ quan chức năng của thành phố đã kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về hàng giả, hàng kém chất lượng.

Các doanh nghiệp tham gia Hội chợ triển lãm Công thương - OCOP Thái Nguyên 2023: Tham gia trưng bày, giới thiệu quảng bá các sản phẩm nông sản đặc trưng tiêu biểu của thành phố nhằm cường hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu tiêu thụ sản phẩm, giúp các hộ nông dân, hợp tác xã quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm đối tác và phát triển kinh doanh, tạo động lực mới cho phục hồi phát triển kinh tế xã hội, thương mại, dịch vụ. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nội dung đấu giá QSD đất chợ Gia Sàng để đầu tư xây dựng chợ truyền thống kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ đảm bảo phù hợp với thực tế địa phương và các quy định của pháp luật. Tổ chức thành công 02 hội nghị đối thoại, chia sẻ giữa cấp ủy, chính quyền thành phố với cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn thành phố với trên 200 đại biểu doanh nghiệp tham dự.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn năm 2023 ước đạt 44.285 tỷ đồng, tăng 20,6% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực Doanh nghiệp ước đạt 19.544 tỷ đồng, tăng 18,3% so với cùng kỳ; khu vực cá thể ước đạt 24.741 tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ.

2.2. Sản xuất công nghiệp

Do chịu tác động từ bên ngoài trên nhiều lĩnh vực, nhất là về sản xuất công nghiệp do giá nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức cao, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, đơn hàng ... làm cho hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố gặp nhiều khó khăn. Thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh; kịp thời phối hợp, hướng dẫn các doanh nghiệp hoàn thiện các thủ tục về: Thuê đất, cấp giấy chứng nhận đầu tư, báo cáo đánh giá tác động môi trường để tiến hành đầu tư

xây dựng các cụm công nghiệp và các dự án sản xuất công nghiệp. Hệ thống kết cấu hạ tầng công nghiệp tiếp tục được quan tâm thu hút đầu tư; tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng hạ tầng các Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1, Sơn Cẩm 2, Sơn Cẩm 3; thu hút đầu tư vào các cụm công nghiệp mới được bổ sung vào quy hoạch tỉnh Thái Nguyên tại khu vực phía Nam thành phố.

Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh 2010) trên địa bàn năm 2023 ước đạt 38.399 tỷ đồng, giảm 3,1% so cùng kỳ; trong đó, khu vực doanh nghiệp nhà nước 20.461,4 tỷ đồng, giảm 8,3% so với cùng kỳ, khu vực địa phương 14.393,1 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ và bằng 100,7% kế hoạch tỉnh giao, bằng 97% kế hoạch thành phố giao, khu vực ngoài nhà nước 14.375,1 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ, khu vực có vốn đầu tư từ nước ngoài 3.562,5 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ năm trước.

2.3. Sản xuất nông - lâm nghiệp

- Trồng trọt: Thời tiết vụ mùa không thuận lợi nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan chuyên môn và sự tích cực của nhân dân, nên nhìn chung cây trồng phát triển tốt, tình hình sâu bệnh được theo dõi thường xuyên chặt chẽ và biện pháp phòng trừ kịp thời. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 10.419 ha, bằng 100% kế hoạch, giảm 2% (tương đương, giảm 202 ha) so với cùng kỳ. Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt ước đạt 7.361 ha (chiếm 70,6%) tổng diện tích gieo trồng, tăng 1,3% so với kế hoạch, giảm 0,2% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2023 ước đạt 40.177 tấn, giảm 1,3% so với năm 2022, đạt 102,2% so với kế hoạch tỉnh, thành phố giao năm 2023.

Chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tiến độ làm đất trồng mới, trồng lại chè năm 2023. Tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), thâm canh chè an toàn theo hướng VietGAP, hữu cơ. Hướng dẫn, chỉ đạo, hỗ trợ phân bón hữu cơ sinh học cho các hộ nông dân trồng chè xã Tân Cương chỉnh trang, chăm sóc các đồi chè, nương chè, các cây chè đầu dòng nhằm bảo tồn, phát triển vùng chè đặc sản Tân Cương, phục vụ tham quan trải nghiệm du lịch cộng đồng trong mùa lễ hội Xuân. Ước tính diện tích chè 2023 là 1.491 ha, trong đó diện tích chè cho sản phẩm 1.433 ha; Diện tích chè mới trồng và trồng phục hồi năm 2023 là 20,06 ha. Sản lượng chè búp tươi ước đạt 23.771 tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ, đạt 105,6% kế hoạch tỉnh, thành phố giao cả năm 2023.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án bảo tồn và phát triển vùng chè đặc sản Tân Cương thành phố Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025 và Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025.

- Chăn nuôi: Nhìn chung tình hình chăn nuôi trên địa bàn phát triển ổn định, không phát sinh dịch bệnh lớn, công tác theo dõi phát hiện dịch bệnh, luôn được tích cực triển khai thực hiện kịp thời. Đến nay, thành phố đã thực hiện xong kế

hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đợt I, đang triển khai tiêm phòng đợt II năm 2023. Duy trì tốt công tác vệ sinh thú y tại các chợ và các địa điểm kinh doanh, buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm đặc biệt là các điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Triển khai các mô hình chăn nuôi năng suất cao, phát triển chăn nuôi trang trại tập trung an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, giảm chăn nuôi nhỏ lẻ quy mô hộ trên địa bàn các xã thuộc thành phố.

- Lâm nghiệp

Công tác trồng rừng: Kiểm tra, giám sát khai thác rừng và các cơ sở sản xuất, gieo ươm giống cây trồng lâm nghiệp, đảm bảo cây giống đưa vào trồng rừng có nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng giống tốt. Dự ước năm 2023 thành phố trồng được trên 85 ha rừng tập trung sau khai thác; 142.842 cây phân tán (*Trong đó có 1.080 cây xanh đô thị, 141.762 cây xanh nông thôn*). Khối lượng khai thác lâm sản năm 2023 ước đạt trên 5.715 m³ gỗ và 1.550 ster củi.

Công tác quản lý và bảo vệ rừng: Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng. Tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn các hành vi khai thác, mua, bán, kinh doanh, chế biến, vận chuyển lâm sản trái pháp luật trên địa bàn thành phố. Tăng cường tuần tra, kiểm tra, phòng cháy chữa cháy rừng tại các khu vực trọng điểm. Trong năm 2023, không xảy ra cháy rừng.

- Công tác xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các xã rà soát, hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đảm bảo đúng quy định. Hiện nay, thành phố tổ chức lấy ý kiến người dân đối với báo cáo kết quả thẩm tra đạt chuẩn các tiêu chí xây dựng NTM nâng cao năm 2023 của 03 xã: Phúc Trìu, Phúc Xuân, Thịnh Đức. Chỉ đạo xã Quyết Thắng rà soát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chí, hoàn thiện các hồ sơ về đích nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023; kiểm tra, đánh giá các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm được hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023; đánh giá hiệu quả, khả năng nhân rộng và công tác quản lý của dự án; kết quả triển khai thực hiện các nội dung, mục tiêu của dự án. Năm 2023 thành phố có 04 xã (*Quyết Thắng, Thịnh Đức, Phúc Xuân, Phúc Trìu*) về đích nông thôn mới nâng cao; 01 xã Quyết Thắng về đích nông thôn mới kiểu mẫu.

- Công tác phòng chống thiên tai

Chuẩn bị sẵn sàng trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn phục vụ công tác phòng, chống thiên tai năm 2023. Tổ chức huấn luyện lái xuồng cứu hộ, cứu nạn, ghép bè mảng, sử dụng vật liệu sẵn có cho các chiến sỹ công an, dân quân trên địa bàn thành phố. Triển khai phương án đảm bảo an toàn các hồ chứa và hạ du hồ thủy lợi xung yếu; chỉ đạo UBND các phường, xã khảo sát hệ thống kênh mương, bố trí lực lượng thường trực để vận hành điều tiết và sẵn sàng xử lý các tình huống khi xảy ra bão, mưa lớn.

2.4. Thu, chi ngân sách

- *Thu ngân sách*: Thu ngân sách 11 tháng đạt 1.699,84 tỷ đồng, bằng 52,19% kế hoạch. Trong đó: Thu thuế phí, thu khác đạt 1.042,217 tỷ đồng, bằng 81,74% kế hoạch; thu tiền sử dụng đất đạt 657,629 tỷ đồng, bằng 32,88% kế hoạch. Dự ước thu ngân sách nhà nước năm 2023 đạt 2.716,72 tỷ đồng, bằng 83% kế hoạch tỉnh và thành phố (trong đó: Thu thuế, phí, lệ phí và thu khác ước đạt 1.308,5 tỷ đồng bằng 102,6% kế hoạch tỉnh và thành phố; thu tiền sử dụng đất ước đạt 1.408,22 tỷ đồng, bằng 70,4% kế hoạch tỉnh và thành phố).

- *Chi ngân sách* lũy kế 11 tháng chi ngân sách đạt 2.117,65 tỷ đồng, bằng 69,9% kế hoạch tỉnh, thành phố. Trong đó, chi thường xuyên đạt 950,518 tỷ đồng, bằng 79,8% kế hoạch thành phố. Chi đầu tư phát triển đạt 1.133,24 tỷ đồng, bằng 78,6% kế hoạch thành phố. Chi trả nợ lãi vay, phí đạt: 33,895 tỷ đồng bằng 271,5% kế hoạch tỉnh và thành phố. Đảm bảo chi thường xuyên và chi các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trên địa bàn thành phố.

2.5. Công tác tài nguyên môi trường; bồi thường hỗ trợ và tái định cư

Công tác quản lý về tài nguyên và môi trường tiếp tục được triển khai thực hiện theo quy định. UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo thực hiện công tác rà soát, lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đảm bảo chặt chẽ, theo đúng quy định, phù hợp với quy hoạch tỉnh Thái Nguyên và các quy hoạch ngành, lĩnh vực; đã tổ chức lấy ý kiến công khai, rộng rãi đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn thành phố và trình HĐND thành phố thông qua điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030.

Tiếp tục tăng cường thanh, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường của các cơ sở khai thác khoáng sản theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Thành lập Đoàn kiểm tra, rà soát lại quỹ đất công, đất xen kẹt trên địa bàn 32 phường, xã, tham mưu hình thức quản lý và phương án xử lý cụ thể đối với từng vị trí đất công, nhất là các vị trí đang bị lấn chiếm, sử dụng trái phép. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác quản lý môi trường, trật tự xây dựng, pháp luật lao động trên địa bàn thành phố. Chấn chỉnh việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, thực hiện rà soát danh sách các dự án không triển khai không đưa đất vào sử dụng; chậm tiến độ do vướng pháp lý đất đai; chưa nộp tiền sử dụng đất; thực hiện kiểm kê đất đai định kỳ năm 2023 theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Rà soát, hướng dẫn việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác bảo vệ môi trường đối với các chợ, trung tâm thương mại. Đẩy mạnh thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh và thành phố như dự án xây dựng sân vận động Thái Nguyên, dự án xây dựng Trụ sở khối các cơ quan tỉnh... và các dự án, khu dân cư, khu đô thị phục vụ đấu giá thu tiền sử dụng đất năm 2023.

Trong 11 tháng đầu năm 2023, thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với trên 48 dự án, tổng diện tích thu hồi, bồi thường, hỗ trợ GPMB là 31,3 ha, giá trị bồi thường, hỗ trợ khoảng 481,5 tỷ đồng của trên 534 hộ gia đình, cá nhân và 06 tổ chức. Thực hiện giao đất cho trên 418 hộ đã nộp xong tiền trúng đấu giá QSD đất và các hộ có đơn xin giao đất tại các khu dân cư. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giao đất cho các tổ chức trên địa bàn. Cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu cho trên 492 hồ sơ.

Về công tác đấu giá quyền sử dụng đất: Đến ngày 15/11/2023, đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên 30 lượt, 596 ô (thửa) đất với tổng diện tích 23.086m², tổng số tiền trúng đấu giá là 232,4 tỷ đồng. Tiếp tục bàn giao cho các Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản quỹ đất tại Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thanh niên xung phong và xây dựng hạ tầng Khu dân cư hai bên đường; Khu dân cư số 1 (mở rộng) phường Tân Lập; Khu dân cư số 2, số 3 đường Việt Bắc phường Tân Lập và 1 số quỹ đất khác trên địa bàn thành phố để đấu giá thu tiền sử dụng đất tháng cuối năm 2023. Thực hiện các thủ tục để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thời hạn 50 năm để thực hiện Dự án Chợ truyền thống kết hợp trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Gia sàng thành phố Thái Nguyên.

Báo cáo Thanh tra tình việc chấp hành chính sách pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị: quản lý trật tự xây dựng đô thị, quản lý sử dụng đất đai, thực hiện bồi thường GPMB của UBND thành phố (từ ngày 01/01/2015 đến 30/8/2023); trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2021, 2022. Triển khai thực hiện các Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy kiểm tra công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng tại UBND các phường, xã: Thịnh Đức, Quyết Thắng, Phúc Triu, Đồng Quang, Đồng Bầm, Linh Sơn, Tân Thành. Chỉ đạo UBND xã Tân Cương, UBND phường Hoàng Văn Thụ kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quản lý đất đai, trật tự xây dựng theo thẩm quyền. Thành lập Tổ công tác thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định về đất đai, trật tự xây dựng đối với các tổ chức nằm trong phạm vi thực hiện dự án nút giao giữa đường Thanh niên với đường Bắc Kạn.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai, môi trường và khoáng sản giai đoạn 2021 - 2025 và Đề án phân loại rác thải tại nguồn giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

2.6. Văn hoá - Xã hội

2.6.1. Công tác thông tin tuyên truyền, văn hoá, thể thao

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng năm 2023. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 93

năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2023) và đón Tết Nguyên đán Quý Mão. Tổ chức thành công Không gian Tết Quý Mão 2023 “*Sắc xuân thành phố Thái Nguyên*” tại Quảng trường Võ Nguyên Giáp. Ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2023), 69 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2023), 133 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2023), 76 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh về ATK Định Hóa cùng Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (20/5/1947-20/5/2023). Kỷ niệm 78 năm Ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2023) và Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/2023); Tổ chức thành công “Chương trình Nghệ thuật đường phố - Thái Nguyên rạng rỡ thành phố tháng Mười - Đêm hội Trung thu xứ Trà” năm 2023. Chương trình ca nhạc, thời trang đặc biệt; Chương trình thông xe kỹ thuật đường Bắc Nam và cầu Huống Thượng, đường Huống Thượng - Chùa Hang, hạng mục công trình thuộc Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực chào mừng kỷ niệm 61 năm Ngày thành lập thành phố Thái Nguyên (19/10/1962-19/10/2023).

Công tác quản lý di sản văn hóa, di tích, lễ hội: Chỉ đạo các phường, xã xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội năm 2023 như: Lễ hội “*Hương sắc trà xuân - vùng chè đặc sản Tân Cương*” xuân Quý Mão 2023; Lễ hội Chùa Phủ Liễn, Lễ hội Chùa Hang; Lễ hội Đình Quan Triều, Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương năm 2023... Khánh thành, bàn giao đưa vào sử dụng công trình tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Đội Cấn. Tiếp tục triển khai công tác tu sửa, tôn tạo di tích Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm khu công nghiệp Gang Thép; di tích lịch sử cấp tỉnh Đền Gốc Sấu; Di tích cấp tỉnh Đền Cột Cờ, phường Trung Vương. Kiện toàn Ban Quản lý các di tích lịch sử trên địa bàn thành phố. Phối hợp với Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch hoàn thiện hồ sơ, thực hiện quy trình đề nghị xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt đối với Di tích lịch sử Quốc gia địa điểm lưu niệm các Thanh niên xung phong Đại đội 915 hy sinh tại Lưu Xá, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

+ *Công tác quản lý nhà nước về du lịch:* Tiếp tục triển khai Đề án phát triển du lịch thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025. Phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham gia các hoạt động tại Khai mạc mùa du lịch Thái Nguyên năm 2023 và phong trào “*Người Thái Nguyên đi du lịch Thái Nguyên*”. Tổ chức thành công chương trình Công bố quyết định đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “*Tri thức trồng và chế biến chè Tân Cương*”, xã Tân Cương đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và Điểm du lịch cộng đồng xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên. Ban hành Kế hoạch phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đến năm 2025. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận Điểm du lịch của Công ty TNHH Thái Việt (Khu du lịch sinh thái trải nghiệm YASMIN FARM Thái Nguyên).

+ *Công tác Thể dục, Thể thao*: Thực hiện Kế hoạch triển khai cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, giai đoạn 2021-2030. Thành phố tổ chức các môn thể thao trong Hội Xuân Quý Mão như kéo co, đẩy gậy, cờ tướng... đã có 27/32 đơn vị phường, xã với gần 300 vận động viên tham gia; tổ chức Giải thể thao đua xe đạp thành phố Thái Nguyên mở rộng lần thứ Nhất năm 2023 với 24 đoàn, 186 vận động viên tham gia. Tổ chức Hội thi khiêu vũ thể thao - Dân vũ thành phố Thái Nguyên lần thứ nhất năm 2023. Quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Thịnh Đức, xã Quyết Thắng. Thành lập đoàn vận động viên tham gia giải bóng chuyền, bóng chuyền hơi tỉnh Thái Nguyên năm 2023 và đạt nhiều giải cao.

+ *Công tác gia đình*: Triển khai Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình trên địa bàn thành phố. Cử cán bộ văn hóa xã hội tham dự các lớp tập huấn: Tập huấn kiến thức, kỹ năng quản lý và duy trì hoạt động CLB phòng, chống bạo lực gia đình; tập huấn công tác thành lập và tổ chức hoạt động CLB phòng, chống bạo lực gia đình. Triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục lối sống, đạo đức trong gia đình và thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2023 trên địa bàn thành phố.

2.6.2. Công tác chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai kế hoạch, chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về chuyển đổi số. Triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên tại địa chỉ: <https://dichvucong.thainguyen.gov.vn>; duy trì hiệu quả mô hình chợ 4.0, với 30/30 chợ (đạt tỷ lệ 100%) đã được triển khai, 90% tiểu thương tại các chợ đã được trang bị mã QR thanh toán không dùng tiền mặt. Thành phố đã hoàn thành triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, đã có 96.971 địa chỉ được cập nhật trên hệ thống (đạt tỷ lệ 101,65%).

UBND thành phố tổ chức Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện phong trào thi đua “Thành phố Thái Nguyên đẩy mạnh Chương trình chuyển đổi số” giai đoạn 2021-2025, đề nghị UBND thành phố tặng Giấy khen cho 15 tập thể và đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen cho tập thể UBND thành phố.

Xây dựng Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng Trung tâm điều hành thông minh thành phố Thái Nguyên. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống truyền hình hội nghị, 32/32 phường, xã đã triển khai lắp đặt, kết nối hệ thống camera giám sát (tổng số 304 camera) theo mô hình camera giám sát, kết nối trực tiếp tại các vị trí với trụ sở UBND các phường, xã để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương.

Năm 2023, tiếp nhận từ Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh 364 phản ánh hiện trường, các phản ánh đã được giải quyết kịp thời và cơ bản được Nhân dân đánh giá ở mức độ hài lòng; hoàn thành triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, đã có 96.971 địa chỉ được cập nhật trên hệ thống (đạt tỷ lệ 101,65%).

2.6.3. Công tác giáo dục và đào tạo

Năm học 2022 - 2023, ngành giáo dục và đào tạo thành phố đã thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và công tác quản lý giáo viên, nhân viên; Tổ chức tổng kết năm học 2022 - 2023, triển khai phương hướng, kế hoạch nhiệm vụ năm học 2023 -2024. Tổ chức thành công xét, công nhận tốt nghiệp THCS cho học sinh lớp 9 năm 2023 tại các Hội đồng xét tốt nghiệp THCS theo đúng quy định. Tổ chức tuyển sinh vào mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023 - 2024 đạt chỉ tiêu kế hoạch. Tổ chức các hoạt động khai giảng năm học mới 2023 - 2024 đúng quy định. Kết quả giáo dục năm học 2022 - 2023 đạt chất lượng tốt, thành tích tại các cuộc thi cấp tỉnh đạt cao, thành phố Thái Nguyên đứng đầu 9 huyện thành, thị của tỉnh về cơ cấu giải.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia trường mầm non, tiểu học, THCS. Đến nay, toàn thành phố có 118/125 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 94,4% (vượt kế hoạch), trong đó: Có 44/48 trường mầm non, đạt tỷ lệ 91,7%; 39/41 trường tiểu học, đạt tỷ lệ 95,1%; 35/36 trường THCS, đạt tỷ lệ 97,2%. Có 02 trường ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia (đạt kế hoạch). Tỷ lệ huy động lứa tuổi nhà trẻ đến trường: 40,7% (đạt kế hoạch);

Tổ chức Hội nghị giải đáp vướng mắc, đề xuất phương án giải quyết việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Cấp bổ sung trên 39 tỷ đồng để hỗ trợ kinh phí chênh lệch tăng thêm giữa mức thu học phí năm học 2022-2023 so với mức thu học phí năm học 2021-2022, hướng dẫn, chỉ đạo các trường Mầm non, THCS công lập thực hiện thanh toán chênh lệch học phí kịp thời, chính xác. Thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do dịch COVID-19 với tổng số 198 người, số tiền hỗ trợ 732,6 triệu đồng. Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2023-2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

Quyết định đánh giá xếp loại viên chức quản lý giáo dục theo quy định. Chỉ đạo các nhà trường rà soát, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ cho năm học 2023-2024 và thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 4 và

lớp 8. Đầu tư kinh phí xây dựng, tu sửa phòng học, mở rộng quy mô trường lớp học. Chỉ đạo xây dựng và thông qua Đề án sáp nhập: Trường mầm non Bê Tông Xây Dựng với Trường mầm non Hoa Hồng, trường Tiểu học Tích Lương 1 và trường Tiểu học Tích Lương 2. Chỉ đạo thực hiện thủ tục giải thể Trường Mầm non Thái Hải và Trường Tiểu học Thái Hải; giải thể Trường mầm non Tài Hoa. Triển khai có hiệu quả Đề án Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

2.6.4. Công tác lao động - Chính sách xã hội

Công tác an sinh xã hội: Đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội khác. Thành phố chi trả trợ cấp hàng tháng cho trên 5.170 đối tượng chính sách, người có công và trên 6.490 đối tượng bảo trợ xã hội. Công tác giảm nghèo, chăm sóc và giúp đỡ người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, cứu trợ đột xuất được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt (*thăm tặng quà nhân dịp: Tết Quý Mão với kinh phí 7.328.100.000 đồng; dịp 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27-7/1947-27/7/2023 với kinh phí 2.699.000.000 đồng;*) .

Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em: Tăng cường các biện pháp bảo vệ, chăm sóc trẻ em, rà soát trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt: Trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo phải điều trị dài ngày; tăng cường các biện pháp phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, (*thăm, tặng quà nhân dịp Tết Quý Mão với kinh phí 96.000.000 đồng; hỗ trợ đột xuất cho gia đình có trẻ em bị hỏa hoạn, tai nạn giao thông: 9.000.000 đồng*).

Công tác Lao động - Việc làm - Dạy nghề - BHXH: Triển khai Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023; Kế hoạch thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động năm 2023 trên địa bàn thành phố (cung, cầu lao động); Triển khai các giải pháp bảo đảm việc làm, thu nhập và ổn định đời sống cho người lao động; Đẩy mạnh chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp qua phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt. Khai giảng 04 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023 (*Phúc Xuân, Huống Thượng, Linh Sơn, Cam Giá*). Tổ chức tuyên truyền chính sách lao động việc làm, đào tạo nghề và phát triển bảo hiểm xã hội đối với 210 hội viên hội nông dân. Tăng cường giải pháp phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội hoàn thành chỉ tiêu năm 2023. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh, UBND các phường, xã tổ chức 43 Hội nghị đối thoại, tuyên truyền thực hiện chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, 93 hội nghị truyền thông phổ biến, tư vấn về bảo hiểm xã hội.

Công tác giảm nghèo: Tiếp tục triển khai Đề án giảm nghèo thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025; Sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện rà soát

hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố. Tổ chức hội nghị tập huấn cho trên 500 đại biểu là Ban chỉ đạo rà soát thành phố, phường, xã và các điều tra viên tại xóm, tổ dân phố thuộc 32 phường, xã trên địa bàn thành phố. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm cho 09 phường, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 0,47%, hộ cận nghèo giảm xuống còn 0,58%.

Quyết định hỗ trợ chi phí hỏa táng cho các đối tượng theo Nghị quyết số 26 ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên đối với 1.016 người với kinh phí trên 4,101 tỷ đồng.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội: Triển khai thực hiện Đề án Phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025. Tăng cường giải pháp phòng, chống ma túy và thực hiện công tác cai nghiện ma túy hoàn thành chỉ tiêu cai nghiện ma túy năm 2023. Tổ chức tuyên truyền công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện cho trên 700 người ở xóm, tổ dân phố thuộc 8 phường, xã; Hưởng ứng tháng hành động phòng, chống ma túy in, treo 84 băng rôn; In cấp 46.900 tờ rơi tuyên truyền công tác phòng, chống ma túy; Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên tập huấn công tác cai nghiện ma túy cho Đội xã hội tình nguyện 32 phường, xã. Quản lý 100% người nghiện có mặt trên địa bàn. Cai nghiện ma túy bắt buộc đạt 172/110 lượt người, bằng 154% kế hoạch (vượt kế hoạch).

Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện phòng, chống mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về năm 2023 trên địa bàn thành phố.

2.6.5. Công tác y tế, dân số, phòng, chống dịch.

Thực hiện công tác khám chữa bệnh, y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo kế hoạch, chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế và tinh thần thái độ phục vụ người bệnh. Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt công tác phòng, chống dịch COVID-19, triển khai các đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo kế hoạch. Thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành, chuyên ngành của thành phố, tiến hành kiểm tra về an toàn thực phẩm tại Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm phường, xã; cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm, bếp ăn tập thể trên địa bàn. Tiếp tục triển khai các nội dung trong Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 tới các phường, xã.

2.6.6. Công tác dân tộc, tôn giáo

Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo trên địa bàn theo đúng kế hoạch và quy định của pháp luật.

- *Công tác dân tộc*: Triển khai thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố theo đúng quy định. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn thành phố.

- *Công tác tôn giáo*: Tăng cường công tác quản lý nhà nước tôn giáo trên địa bàn. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn thủ tục và điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung đảm bảo theo đúng quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn, không để diễn ra các hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi về tâm linh ở các cơ sở thờ tự trên địa bàn thành phố.

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2024)

II. ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, UBND thành phố xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024, cụ thể như sau:

1. Diện tích các loại đất phân bổ trong năm kế hoạch

Tổng diện tích các loại đất phân bổ năm 2024 là 1.233,80 ha

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2024 là 1.214,24 ha

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất

Tổng diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 là 875,08 ha

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng

Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng năm 2024 là 12,96 ha

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

5. Danh mục các công trình, dự án

Tổng số công trình, dự án thực hiện năm 2024 là 216 công trình, dự án, với diện tích sử dụng đất là 1.233,80 ha. Trong đó:

- 178 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2024, với diện tích sử dụng đất là 1.215,02 ha.

(Chi tiết tại phụ lục V kèm theo)

- 38 công trình, dự án đăng ký mới năm 2024, với diện tích sử dụng đất là 18,78 ha.

(Chi tiết tại phụ lục VI và danh sách chi tiết kèm theo)

6. Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên

- Điều chỉnh tên, diện tích đối với 20 dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4131/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 và Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 07/10/2022. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 4131/QĐ-UBND ngày 30/12/2020; Quyết định số 1881/QĐ-UBND ngày 11/6/2021; Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 và Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Nguyên nhân, lý do điều chỉnh: Hội đồng nhân dân tỉnh đã thông qua điều chỉnh tên, địa điểm, diện tích tại Nghị quyết số 105/NQ-HĐND ngày 08/12/2023.

(Chi tiết tại phụ lục VII kèm theo)

7. Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất đã quá 3 năm chưa thực hiện

Huỷ bỏ Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đối với 63 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên do đã quá 3 năm chưa thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 49 Luật Đất đai 2013 (được sửa đổi tại Khoản 1 Điều 6 Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch).

(Chi tiết tại phụ lục VIII kèm theo)

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Thực hiện công bố, công khai tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Thái Nguyên và công bố, công khai nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên có liên quan đến xã, phường tại trụ sở UBND cấp xã sau khi được phê duyệt.

- Tiếp tục đôn đốc các tổ chức, đơn vị hoàn thành kế hoạch sử dụng đất đã đăng ký và được phê duyệt năm 2023;

- Đối với các công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích, phải lập phương án sử dụng lớp đất mặt và bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa do bị mất khi chuyển mục đích, hoặc nộp kinh phí để tổ chức thực hiện phương án theo hướng dẫn của tỉnh.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất; có các giải pháp đồng bộ huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện các công trình dự án; có trách nhiệm phối hợp, chỉ đạo trong công tác bồi thường, GPMB, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư để triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng các quy trình, quy định của Nhà nước, đưa đất vào sử dụng đúng tiến độ dự án đã được duyệt.

- Chủ đầu tư của các công trình, dự án không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cần bố trí đủ nguồn vốn, thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư đã ban hành nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án để sớm triển khai đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc triển khai thực hiện các công trình, dự án nhằm đảm bảo việc sử dụng đất theo đúng kế hoạch được duyệt.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường rà soát các quy trình thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm giảm bớt thủ tục không cần thiết. Hoàn thiện, nâng cao năng lực của bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thành phố về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất 2024 được lập theo đúng Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Đã xuất phát từ thực tế sử dụng đất hiện nay của thành phố; nghiên cứu sử dụng các nguồn tài liệu, số liệu, bản đồ của các ngành, các cấp về tình hình sử dụng đất và đánh giá tài nguyên đất đai.

- Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia của tất cả các đơn vị trong thành phố Thái Nguyên, các chủ dự án và sự tham gia của các xã, phường trên địa bàn thành phố.

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã phân phối đất đai hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có, đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực, các dự án đảm bảo quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố hướng sử dụng đất bền vững.

2. Kiến nghị

- Đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Thái Nguyên để thành phố có căn cứ thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Đề nghị các Sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn UBND thành phố trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng của tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không có hiệu quả.

- Đề nghị UBND tỉnh tăng cường bổ sung kinh phí, đồng thời tạo điều kiện cho thành phố tiếp cận những nguồn vốn ưu đãi để đảm bảo kinh phí thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố được thực hiện đúng tiến độ, thời gian./.

PHỤ LỤC

Diện tích các loại đất phân bổ năm 2024 thành phố Thái Nguyên

Diện tích phân theo đơn vị hành chính

[illegible]

PHỤ LỤC II

Kế hoạch thu hồi đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên

Đơn vị tính: ha

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													Phường Tân Thành
			Phường Cam Giá	Phường Chùa Hang	Phường Đồng Bầm	Phường Đồng Quang	Phường Gia Sàng	Phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hương Sơn	Phường Phan Đình Phùng	Phường Phú Xá	Phường Quan Triều	Phường Quang Trung	Phường Quang Vinh	Phường Tân Lập	Phường Tân Long
	Tổng cộng	1.214,24	1,34	10,82	20,17	6,25	22,82	13,55	5,89	9,36	25,98	19,78	2,31	86,61	90,87	4,01
1	Đất nông nghiệp	861,80	1,30	2,17	12,95	1,58	12,65	4,50	3,59	4,10	16,29	16,11	0,82	69,75	60,62	3,29
1.1	Đất trồng lúa	441,48	0,03	0,01	6,63	1,03	5,74	1,24	2,98	0,11	10,21	15,08	0,03	51,63	22,82	2,02
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	115,24	0,01	1,07	5,56	0,04	2,40	0,15	0,40	0,19	1,42	0,58	0,11	10,82	7,59	0,48
1.3	Đất trồng cây lâu năm	208,13		1,06	0,67	0,09	3,54	1,89	0,20	1,77	2,03	0,38	0,66	5,92	17,65	0,53
1.4	Đất rừng phòng hộ	-														
1.5	Đất rừng đặc dụng	-														
1.6	Đất rừng sản xuất	68,48			0,01	0,36	0,66	0,60		1,89	1,59			0,03	7,98	0,11
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	24,97	1,26	0,03	0,05	0,06	0,31	0,62	0,01	0,14	0,44	0,04	0,03	0,64	4,57	0,15
1.8	Đất nông nghiệp khác	3,50			0,03						0,60	0,04	-	0,70	0,01	
2	Đất phi nông nghiệp	340,02	0,04	8,63	7,20	4,67	10,13	9,05	2,24	5,19	8,77	3,29	1,48	15,99	28,87	0,37
2.1	Đất ở nông thôn	88,17		0,02												
2.2	Đất ở đô thị	72,10	0,01	2,51	4,73	2,62	6,75	4,39	0,92	3,20	5,78	1,61	0,44	7,39	18,03	0,35
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	8,95		1,36		0,10		2,26		0,17			0,01			
2.4	Đất an ninh	-														
2.5	Đất quốc phòng	1,91								0,88		0,01			0,97	
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	9,03		0,95	0,13		1,58	0,99	0,48		0,26		0,44	0,14	0,09	
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	14,41		1,68	0,03			0,01		0,16				0,60	0,46	
2.8	Đất có mục đích công cộng	78,16	0,03	0,55	1,95	1,87	0,30	1,33	0,84	0,34	1,39	1,37	0,56	6,05	7,44	
2.9	Đất cơ sở tôn giáo	0,45														
2.1	Đất cơ sở tín ngưỡng	-														
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	6,94			0,04						0,69	0,03	0,001	0,94	1,39	
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	41,44		1,56	0,30		1,41	0,07		0,44	0,46	0,26	0,03	0,89	0,48	0,02
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	3,29														
2.14	Đất phi nông nghiệp khác	15,17			0,01	0,08	0,09				0,19	0,01				
3	Đất chưa sử dụng	12,42		0,02	0,02		0,03529		0,06	0,064	0,92	0,3833	0,001	0,867	1,4	0,345

Diện tích phân theo đơn vị hành chính

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Phường Tân Thịnh	Phường Tích Lương	Phường Túc Duyên	Phường Thịnh Đán	Phường Trung Thành	Phường Trung Vương	Xã Cao Ngạn	Xã Đông Liên	Xã Huống Thượng	Xã Linh Sơn	Xã Phúc Hà	Xã Phúc Trìu	Xã Phúc Xuân	Xã Quyết Thắng	Xã Sơn Cẩm	Xã Tân Cương	Xã Thịnh Đức
	Tổng cộng	6,87	9,57	32,48	44,03	5,14	11,03	145,51	0,13	147,45	18,19	46,64	15,91	21,66	252,68	115,54	3,73	17,68
1	Đất nông nghiệp	3,39	6,61	22,32	31,71	4,52	0,53	106,44	0,01	128,65	14,18	36,84	11,76	15,69	181,80	69,17	2,24	15,97
1.1	Đất trồng lúa	2,52	2,13	16,43	13,65	2,30	-	62,06	0,01	92,35	7,96	7,97	2,13	6,73	87,05	17,69	0,05	0,88
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	0,03	0,89	4,29	4,53	0,91	0,26	20,37		15,08	3,09	4,77	1,02	0,65	24,04	3,57	0,23	0,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	0,55	1,56	0,89	5,05	1,30	0,14	21,69		13,04	2,68	15,17	5,29	5,92	61,65	34,57	0,59	1,63
1.4	Đất rừng phòng hộ															-		
1.5	Đất rừng đặc dụng															-		
1.6	Đất rừng sản xuất	0,19	1,02	0,01	7,32			0,64		6,30	0,42	6,16	2,95	2,08	3,69	10,34	1,36	12,77
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	0,10	1,00	0,20	0,55		0,12	0,68		1,88	0,03	2,77	0,37	0,31	5,37	3,00		
1.8	Đất nông nghiệp khác		0,01	0,50	0,61	0,01		1,00								-		0,01
2	Đất phi nông nghiệp	3,48	2,95	9,17	12,06	0,62	9,61	37,58	0,12	18,19	3,90	9,71	3,77	5,92	70,25	43,67	1,49	1,60
2.1	Đất ở nông thôn			0,40				16,15		6,35	0,95	4,49	1,66	3,89	44,07	9,34	0,65	0,19
2.2	Đất ở đô thị	1,00	0,18	0,84	8,95	0,56	1,68			0,17						-		
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan						4,87						0,11	0,03	0,02	-		0,03
2.4	Đất an ninh															-		
2.5	Đất quốc phòng	0,01													0,04	-		
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	0,66		0,50	0,54	0,04	0,19	0,28		0,91	0,09	0,46		0,10	0,08	0,01	0,08	0,02
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	0,12		0,11		0,01	0,60	0,19								10,43		
2.8	Đất có mục đích công cộng	1,48	1,18	1,88	2,08	0,01	2,05	9,05	0,12	5,84	1,46		1,62	1,26	12,64	11,78	0,32	1,37
2.9	Đất cơ sở tôn giáo									0,35					0,10	-		
2.1	Đất cơ sở tín ngưỡng																	
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,001	1,60	0,01	0,07			0,34		0,69	0,14	0,28	-	0,05	0,29	0,34	0,03	
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	0,10		5,43	0,10		0,23	11,56		0,70	1,15	2,16	0,38	0,58	1,12	11,59	0,42	
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng									3,18	0,11					-		
2.14	Đất phi nông nghiệp khác	0,10										2,31			11,88	0,18		0,0004
3	Đất chưa sử dụng	0,001	0,006	0,989	0,25928		0,89	1,484		0,6118	0,11	0,1	0,38	0,0518	0,631	2,70015		0,1024

PHỤ LỤC III

Đơn vị tính: ha

[illegible]

[illegible]

Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024 thành phố Thái Nguyên

Diện tích phân theo đơn vị hành chính

[illegible]

[illegible]

PHỤ LỤC V

Danh mục 178 công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2024 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng cộng		1.215,02	441,88			773,14
1	Khu tái định cư liên tổ 13, 19, 23 phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	Phường Phú Xá, TPTN	7,85	5,05			2,80
2	Khu tái định cư số 4 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	9,48	5,61			3,87
3	Khu tái định cư số 5 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	7,80	2,48			5,32
4	Khu dân cư 11A phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0,34	0,31			0,03
5	Khu tái định cư liên tổ 19+20 phường Trung Thành	Phường Trung Thành, TPTN	5,00	2,30			2,70
6	Khu dân cư số 6 phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,85	0,30			0,55
7	Khu dân cư số 10 phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,50	0,05			0,45
8	Xây dựng cấp bách Khu dân cư số 3 phường Quang Trung	Phường Quang Trung, TPTN	0,01				0,01
9	Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc	Phường Tân Lập, TPTN	4,25	0,20			4,05
		Phường Phú Xá, TPTN	1,46	0,87			0,59
10	Mở rộng khu dân cư số 1 đường Việt Bắc phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	6,32	0,88			5,44
11	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,35	0,25			4,10
12	Khu dân cư số 3 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4,40	0,50			3,90
13	Khu tái định cư tổ 3, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	2,82	0,50			2,32
14	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Phường Quang Trung, TPTN	0,10				0,10
15	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Phường Quang Trung, TPTN	0,05				0,05
16	Hạ tầng Khu tái định cư thực hiện xây dựng hạng mục cầu Bến tượng thuộc Chương trình đô thị miền núi phía bắc - thành phố Thái Nguyên giai đoạn II tại khu tái định cư số 2 trường Đại học Việt Bắc	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,70	0,39			0,31
17	Khu đô thị Bắc Đại học Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0,16				0,16
		Phường Quang Vinh, TPTN	32,21	19,46			12,76
		Phường Quan Triều, TPTN	17,55	15,07			2,47
18	Khu nhà ở số 6 phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TPTN	6,57	1,62			4,95
19	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài	Phường Quang Trung, TPTN	0,18				0,18
20	Khu dân cư 1,3,4 và Khu dân cư số 5 Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	0,50	0,18			0,32
21	Khu dân cư Đồi Yên Ngựa, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0,16				0,16

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
22	Khu dân cư 11B, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	1,31				1,31
23	Khu dân cư Viettime Thái Nguyên, phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	4,37	3,10			1,27
24	Khu tái định cư phục vụ mở rộng khai trường sản xuất của công ty than Khánh Hòa	Phường Tân Long, TPTN	3,06	1,84			1,22
25	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu dân cư phường Tân Thịnh, Quang Trung, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,35	0,05			0,30
		Phường Quang Trung, TPTN	0,45	0,02			0,43
26	Khu dân cư hồ điều hòa Xương Rồng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2,00				2,00
27	Khu dân cư tổ 14 (Khu nhà ở Thăng Long), phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	0,17	0,17			
		Phường Gia Sàng, TPTN	0,26				0,26
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,10				0,10
28	Xây dựng cải tạo khu dân cư Lưu Nhân Chú	Phường Hương Sơn, TPTN	1,15	1,15			
29	Xây dựng cấp bách khu tái định cư hai bên đường Quốc lộ 17, đoạn qua chợ Núi Voi, phường Chùa Hang	Phường Chùa Hang, TPTN	1,92				1,92
30	Khu đô thị phường Tân Lập - phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên (khu số 2)	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,20	0,87			5,33
31	Khu dân cư số 7C	Phường Túc Duyên, TPTN	4,44	3,61			0,83
32	Dự án Khu đô thị mới, phố đi bộ Trung tâm thành phố Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, TPTN	7,54				7,54
33	Khu dân cư tổ 13, phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	7,69	4,64			3,05
34	Khu đô thị mới số 2 Thịnh Đán - Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Thịnh Đán, TPTN	2,41	1,85			0,56
35	Khu dân cư phường Thịnh Đán - Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,12	0,12			
36	Khu dân cư Kosy Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	7,17	3,89			3,28
37	Khu nhà ở Bắc Sơn - Sông Hồng	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	9,53	1,24			8,29
38	Khu đô thị Hồ Xương Rồng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1,14	0,11			1,03
39	Khu đô thị 10A phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	2,69	0,02			2,67
40	Khu đô thị tổ 11 phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	1,83	1,39			0,44
41	Khu dân cư tổ 7 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	14,40	4,03			10,37
		Phường Phú Xá, TPTN	0,16	0,07			0,09
42	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị kết nối khu Di tích lịch sử Thanh niên Xung phong Đại đội 915 và Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên	Phường Gia Sàng, TPTN	0,31				0,31
43	Khu dân cư tổ dân phố Nhị Hòa, phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Bẩm, TPTN	6,50	3,04			3,46
44	Khu đô thị số 01 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	10,10	2,03			8,07
45	Khu đô thị số 02 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,28	2,41			3,87

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
46	Khu dân cư tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	10,73	2,78			7,95
		Phường Tân Lập, TPTN	2,21	1,03			1,18
47	Khu dân cư liền kề phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	4,07	1,74			2,33
48	Khu đô thị Nam sông Cầu	Phường Quang Vinh, TPTN	45,48	28,14			17,35
49	Khu dân cư số 8 Túc Duyên (giai đoạn 2)	Phường Túc Duyên, TPTN	1,12	0,03			1,10
50	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại Khu dân cư số 8, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (Giai đoạn 1)	Phường Túc Duyên, TPTN	0,15				0,15
51	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại khu dân cư xóm Tân Thành, phường Đồng Bầm	Phường Đồng Bầm, TPTN	2,78	1,20			1,58
52	Khu dân cư số 11, phường Gia Sàng (giáp Khu dân cư Kosy Gia Sàng)	Phường Gia Sàng, TPTN	6,02	1,46			4,56
53	Đầu giá đất ở đô thị Trụ sở Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Thái Nguyên	Phường Đồng Quang, TPTN	0,10				0,10
54	Khu dân cư số 5, phường Tân Thịnh	Phường Tân Thịnh, TPTN	2,58	1,86			0,72
55	Khu dân cư số 5 Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	3,51	1,20			2,31
56	Chung cư Hannam Hòa Bình	Phường Gia Sàng, TPTN	0,28				0,28
57	Khu dân cư mới phường Tân Thịnh	Phường Tân Thịnh, TPTN	2,00	0,54			1,46
58	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp - Pienza Plaza Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	2,69				2,69
59	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Pienza Thái Nguyên 2	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,26	0,13			0,13
60	Xây dựng Khu phố châu Âu bên bờ sông Cầu	Phường Đồng Bầm, TPTN	3,39	0,48			2,91
61	Khu dân cư HAVICO phường Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	4,87	0,83			4,04
62	Khu dân cư tổ 4	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2,13				2,13
63	Khu dân cư số 12, phường Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	1,78	0,26			1,52
64	Đầu giá đất ở đô thị nhỏ lẻ tại phường Tân Lập (01 ô)	Phường Tân Lập, TPTN	0,04				0,04
65	Khu dân cư phường Thịnh Đán - Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	7,29	3,91			3,38
66	Khu dân cư số 3, xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	4,86	0,80			4,06
67	Khu đô thị số 1 xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	18,23	16,25			1,98
68	Khu đô thị số 01 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	15,53	7,36			8,17
69	Khu đô thị số 02 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	17,41	5,57			11,84
70	Khu đô thị mới số 2 Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	40,58	15,53			25,05
71	Khu đô thị Thành Nam	Xã Quyết Thắng, TPTN	37,67	14,20			23,47
72	Khu đô thị Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	46,57	9,05			37,52
73	Khu đô thị Thái Sơn	Xã Quyết Thắng, TPTN	47,55	16,45			31,10

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
74	Khu đô thị mới số 2 Thịnh Đán - Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	5,84	3,97			1,87
75	Khu đô thị mới Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	114,29	53,91			60,38
76	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (khu số 1)	Xã Huống Thượng, TPTN	75,21	39,16			36,06
77	Khu đô thị mới Linh Sơn – Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Xã Huống Thượng, TPTN	43,74	33,78			9,96
78	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu dân cư phường Tân Thịnh, Quang Trung, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,24	0,01			0,23
79	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Xã Cao Ngạn, TPTN	4,90	1,00			3,90
80	Khu tái định cư số 1, xóm Trung Thành, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	1,26	0,22			1,04
81	Khu tái định cư số 1 Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,78	1,57			4,21
82	Khu tái định cư số 2 Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	4,33	0,86			3,47
83	Xây dựng Khu tái định cư số 1, 2 xóm Trung Tâm, xã Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	2,50	0,85			1,65
84	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trắng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Xã Quyết Thắng, TPTN	3,30	0,50			2,80
		Xã Phúc Xuân, TPTN	3,22	0,72			2,50
85	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trắng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Xã Phúc Xuân, TPTN	5,90	1,83			4,07
		Xã Quyết Thắng, TPTN	1,22				1,22
86	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,70				0,70
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,94	0,16			0,78
87	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,20				0,20
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,14	0,01			0,13
88	Tiểu dự án bồi thường GPMB phục vụ xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn xóm Ao Vàng, xã Cao Ngạn (bao gồm cả Giai đoạn 1)	Xã Cao Ngạn, TPTN	3,71	1,67			2,04
89	Khu dân cư số 2 Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	9,70	3,90			5,80
90	Khu dân cư Quyết Thắng - Phúc Xuân	Xã Quyết Thắng, TPTN	5,03	1,30			3,73
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1,49	0,08			1,41
91	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (bổ sung phần còn lại)	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,90	0,38			0,52

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
92	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II)	Xã Cao Ngạn, TPTN	3,02	0,80			2,22
93	Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Phường Chùa Hang, TPTN	8,70				8,70
		Xã Cao Ngạn, TPTN	2,35	0,58			1,77
94	Khu dân cư xóm Nam Sơn	Xã Linh Sơn, TPTN	15,67	7,88			7,80
95	Dự án xây dựng Trụ sở làm việc Khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, TPTN	0,14				0,14
96	Xây dựng Trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,13				0,13
97	Trụ sở Công an xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,08				0,08
98	Trụ sở Công an xã Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,12				0,12
99	Xây dựng Trụ sở Công an xã Thịnh Đức	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,10				0,10
100	Mở rộng Trụ sở Công an tỉnh (cơ sở 1)	Phường Trưng Vương, TPTN	0,08				0,08
101	Mở rộng Trụ sở Công an phường Hương Sơn	Phường Hương Sơn, TPTN	0,03				0,03
102	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	4,30	0,40			3,90
103	Trường bắn, thao trường huấn luyện Lữ đoàn 382/Quân khu 1	Xã Thịnh Đức, TPTN	1,81	0,50			1,31
104	Xây dựng một số hạng mục phục vụ diễn tập phòng thủ tại căn cứ chiến đấu 02 thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	1,32				1,32
105	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	1,33	1,13			0,20
106	Nhà văn hóa xóm Nam Đồng	Xã Tân Cương, TPTN	0,08				0,08
107	Xây dựng khối nhà 2 tầng 6 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,03				0,03
108	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học Cổ truyền Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	2,04	1,35			0,69
109	Trường mầm non Phúc Triu	Xã Phúc Triu, TPTN	0,33				0,33
110	Trường Đại học Việt Bắc	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,46	0,30			0,16
111	Trường mầm non Quan Triều (Phân hiệu 2). Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, nhà bếp và các hạng mục phụ trợ	Phường Quan Triều, TPTN	0,19				0,19
112	Trường tiểu học Cam Giá (Phân hiệu 2). Hạng mục: Sân nền, nhà lớp học 2 tầng 8 phòng và các hạng mục phụ trợ	Phường Cam Giá, TPTN	0,78				0,78
113	Trường mầm non Cam Giá (Phân hiệu 2). Hạng mục: Sân nền, nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	Phường Cam Giá, TPTN	0,51				0,51
114	Xây dựng khối nhà 3 tầng 9 phòng học, phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,02				0,02
115	Trường THCS Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,64				0,64

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
116	Trường mầm non Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	0,49	0,02			0,47
117	Trường Mầm non Quang Trung	Phường Quang Trung, TPTN	0,40				0,40
118	Xây dựng trường mầm non Hương Sơn	Phường Hương Sơn, TPTN	0,63	0,08			0,55
119	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Việt Mỹ	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,74	2,56			3,18
120	Trường Tiểu học Cao Ngạn	Xã Cao Ngạn, TPTN	0,03				0,03
121	Sân vận động Thái Nguyên (Khu Liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên)	Xã Phúc Triu, TPTN	8,86	1,61			7,25
122	Xây dựng Trung tâm Thể dục thể thao và Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao	Xã Phúc Triu, TPTN	3,69	0,36			3,34
		Xã Quyết Thắng, TPTN	1,35	1,07			0,28
123	Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 1	Xã Sơn Cẩm, TPTN	21,68	2,03			19,65
124	Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 2	Xã Sơn Cẩm, TPTN	29,74	9,31			20,43
125	Cụm Công nghiệp Sơn Cẩm 3	Xã Sơn Cẩm, TPTN	28,63	2,42			26,21
126	Khu thương mại dịch vụ và văn phòng Việt Cường	Phường Đồng Bẩm, TPTN	0,15	0,12			0,03
127	Khu sinh thái An Bình	Xã Thịnh Đức, TPTN	8,39				8,39
128	Trụ sở văn phòng làm việc, nhà kho, nhà xưởng và bãi chứa hàng tại xã Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,05				0,05
129	Mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất	Xã Sơn Cẩm, TPTN	10,56	0,57			9,99
		Phường Tân Long, TPTN	0,11				0,11
		Xã Phúc Hà, TPTN	0,39				0,39
130	Mở rộng bãi thải Nam xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	23,54	1,64			21,90
131	Mở rộng bãi thải Nam, nắn suối CD, Hành lang an toàn Công ty than Khánh Hòa xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	10,53	5,21			5,32
132	Khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa - hạng mục hành lang an toàn bãi thải tại xóm Nam Tiền, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN	11,70	1,12			10,59
133	Khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa - hạng mục mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá, xử lý chất thải tại xóm 1, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN	0,46				0,46
134	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực các xóm: Nhân Hòa, Làng Mon, Đức Hòa, xã Thịnh Đức và tổ 6, tổ 12, phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	11,98				11,98
		Phường Phú Xá, TPTN	1,10				1,10
135	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát sỏi khu vực sông Cầu, xã Hóa Thượng, xã Minh Lân, huyện	Xã Cao Ngạn, TPTN	6,51				6,51

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
135	Xã Hòa Thượng, xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ; xã Vô Tranh, huyện Phú Lương và xã Sơn Cẩm, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	12,20	0,04			12,15
136	Nhà máy sản xuất bê tông và gạch ngói Cao Ngạn	Xã Cao Ngạn, TPTN	0,87	0,13			0,74
137	Đường Xuân Hòa kéo dài	Phường Túc Duyên, TPTN	0,62	0,20			0,42
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,60				0,60
138	Nâng cấp tuyến đường Phố Hương	Phường Trung Thành, TPTN	0,13				0,13
139	Đầu tư xây dựng nút giao đường Thanh niên với đường Bắc Kạn	Phường Trưng Vương, TPTN	0,74				0,74
140	Cải tạo, nâng cấp hệ thống vỉa hè, cây xanh và kết nối hạ tầng các khu dân cư nút giao Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TPTN	0,51	0,01			0,50
		Phường Tân Thịnh, TPTN	0,45				0,45
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,41				0,41
141	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên trái cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ nút giao Sông Công đến nút giao Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,31	3,28			3,04
		Phường Tân Lập, TPTN	6,61	0,87			5,73
		Phường Tích Lương, TPTN	9,55	2,13			7,42
		Xã Thịnh Đức, TPTN	3,07	0,07			3,00
142	Cầu vượt đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên (nút giao đường Quang Trung với đường Việt Bắc)	Phường Quang Trung, TPTN	0,26				0,26
		Phường Đồng Quang, TPTN	0,29				0,29
143	Cải tạo, nâng cấp đường Thanh niên xung phong và Khu dân cư hai bên đường	Phường Phú Xá, TPTN	3,79	0,88			2,91
		Phường Tân Lập, TPTN	13,54	2,70			10,84
144	Nâng cấp đường khu dân cư Đồng Bầm	Phường Đồng Bầm, TPTN	1,02	0,30			0,72
		Xã Linh Sơn, TPTN	1,16				1,16
145	Nâng cấp đường Lê Hữu Trác	Phường Tân Lập, TPTN	0,02	0,01			0,02
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,02	0,01			0,01
146	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 0+00 đến Km 3+500	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,05				0,05
		Phường Tân Thịnh, TPTN	0,13	0,05			0,08
		Phường Quang Trung, TPTN	0,03				0,03
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,65	0,08			0,57
147	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 3+500 (nút giao đường Tổ Hữu) đến Km 9+500	Xã Quyết Thắng, TPTN	1,35	0,50			0,85
		Xã Phúc Xuân, TPTN	4,71	2,50			2,21

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
148	Xây dựng đường Huống Thượng - Chùa Hang	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,55				0,55
		Phường Chùa Hang, TPTN	0,10				0,10
		Xã Linh Sơn, TPTN	0,56				0,56
		Xã Huống Thượng, TPTN	0,31				0,31
149	Xây dựng đường Bắc Nam và Cầu Huống Thượng	Phường Gia Sàng, TPTN	3,91	0,13			3,78
		Phường Túc Duyên, TPTN	3,28	1,21			2,07
		Xã Huống Thượng, TPTN	5,07	2,35			2,72
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,26				0,26
150	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc Nam	Xã Phúc Xuân, TPTN	1,13				1,13
151	Xây dựng hoàn trả hạ tầng Ga Lưu Xá tại tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	0,33				0,33
152	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ngõ 100 đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,23				0,23
153	Nâng cấp, mở rộng đường Lương Thế Vinh	Phường Quang Trung, TPTN	0,04				0,04
154	Xây dựng bến xe khách phía Bắc thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	2,47	0,89			1,58
155	Cầu Quang Vinh 1, Cầu Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bầm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	9,82	3,97			5,85
		Phường Đồng Bầm, TPTN	1,61	0,78			0,82
		Phường Quan Triều, TPTN	1,57				1,57
		Phường Quang Vinh, TPTN	8,89	4,02			4,86
156	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,07				0,07
157	Khu dân cư xóm Ấp Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ - Hạng mục: Đường giao thông	Phường Chùa Hang, TPTN	0,05				0,05
158	Cải tạo hệ thống thoát nước mương Mỏ Bạch	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,65	0,01			0,64
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,11				0,11
		Phường Quang Trung, TPTN	0,41	0,003			0,41
		Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,32	0,003			0,32
		Phường Quan Triều, TPTN	0,41	0,003			0,41
159	Cải tạo hệ thống thoát nước mương Xương Rồng	Phường Gia Sàng, TPTN	0,19				0,19
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,42				0,42
		Phường Túc Duyên, TPTN	6,66	0,25			6,41

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
160	Đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Triu, TPTN	2,63				2,63
161	Xây dựng hạ tầng cảnh quan cây xanh khu dân cư số 11, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1,38				1,38
162	Xây dựng cảnh quan phía sau Quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, TPTN	2,53				2,53
163	Xây dựng công trình đường điện 478 Thịnh Đán E6.1-475 Lưu Xá E6.5	Phường Thịnh Đán, TPTN	0,04	0,020			0,020
		Phường Cam Giá, TPTN	0,02	0,020			
		Phường Túc Duyên, TPTN	0,03	0,010			0,020
		Xã Huống Thượng, TPTN	0,02	0,010			0,010
164	Xuất tuyến trung áp sau trạm biến áp 110kV Gang Thép	Phường Cam Giá, TPTN	0,03	0,010			0,020
		Phường Hương Sơn, TPTN	0,01	0,010			
		Xã Đồng Liên, TPTN	0,01	0,010			
165	Cải tạo đường dây điện ĐZ 22kv lộ 471 và 473 trạm 110kv Thịnh Đán cấp điện cho khu Nam Hồ Núi Cốc	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,02	0,010			0,010
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,02	0,010			0,010
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,03	0,010			0,020
		Xã Phúc Xuân, TPTN	0,01	0,010			
166	Cải tạo nâng cấp đường dây 35kv lộ 380 và 381 trạm 220kv Thái Nguyên	Phường Quan Triều, TPTN	0,01				0,010
167	Xuất tuyến 110 kV sau trạm biến áp 220kv Lưu Xá	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,16				0,161
168	Xây dựng mới, cải tạo các đường dây trung thế khu vực thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và huyện Đồng Hỷ	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,08	0,010			0,070
		Phường Chùa Hang, TPTN	0,05	0,010			0,040
169	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Thái Nguyên (KFW3)	Phường Thịnh Đán, Phú Xá, Thịnh Đức, Tân Lập, Tích Lương, Trung Thành, TPTN	0,05	0,012			0,040
170	Xuất tuyến trung áp 22kV sau Trạm biến áp 110kV Sông Công 2 E6.21	Phường Tích Lương, TPTN	0,01	0,005			0,008
171	Xuất tuyến trung áp lộ 1 sau Trạm biến áp 110kV Thịnh Đán E6.4	Phường Tân Thịnh, TPTN	0,06	0,002			0,055
		Phường Quang Trung, TPTN	0,03	0,005			0,030
172	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, TPTN	0,52	0,310			0,211
		Xã Tân Cương, TPTN	0,40	0,055			0,343
		Xã Phúc Triu, TPTN	0,29	0,163			0,127
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1,36	0,476			0,885

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
173	Đường dây và Trạm biến áp 110kv Gia Sàng	Phường Tân Lập, TPTN	0,82	0,650			0,168
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0,09				0,090
174	Tháp Anten truyền hình Thái Nguyên	Phường Gia Sàng, TPTN	1,56				1,56
175	Trạm xử lý nước thải phục vụ các thuộc đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư phường Tân Lập - phường Thịnh Đán	Phường Tân Lập, TPTN	0,19	0,15			0,04
176	Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ các khu dân cư đường Việt Bắc	Phường Phú Xá, TPTN	0,56	0,56			
177	Xây dựng hồ điều hòa tại khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	1,75	1,00			0,75
178	Xây dựng cảnh quan cây xanh dọc 2 bên đường Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (trong đường Bắc Sơn kéo dài)	Phường Thịnh Đán, TPTN	6,10	1,50			4,60
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,30				0,30
		Xã Phúc Xuân, TPTN	0,70	0,10			0,60

**Danh mục 38 công trình, dự án đăng ký mới năm 2024
trên địa bàn thành phố Thái Nguyên**

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
	Tổng cộng		18,78	2,40	0,00	0,00	16,37
1	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tại tổ 4, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0,51	0,00			0,51
2	Quy hoạch chia lô để đầu giá đất ở đô thị tại phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,29	0,00			0,29
3	Đầu giá đất ở đô thị nhỏ lẻ tại phường Túc Duyên (01 lô)	Phường Túc Duyên, TPTN	0,01	0,00			0,01
4	Đầu giá đất ở đô thị nhỏ lẻ tại phường Hương Sơn (01 lô)	Phường Hương Sơn, TPTN	0,01	0,00			0,01
5	Quy hoạch chia lô để đầu giá đất ở đô thị tại phường Tân Long	Phường Tân Long, TPTN	0,37	0,18			0,18
6	Đầu giá đất ở đô thị nhỏ lẻ tại phường Quang Trung (01 lô)	Phường Quang Trung, TPTN	0,01	0,00			0,01
7	Trụ sở UBND phường Hoàng Văn Thụ (để giao đất)	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	2,26	0,00			2,26
8	Trụ sở Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,36	0,00			0,36
9	Trụ sở Công an xã Tân Cương	Xã Tân Cương, TPTN	0,13	0,00			0,13
10	Trụ sở Công an xã Đồng Liên	Xã Đồng Liên, TPTN	0,12	0,00			0,12
11	Trụ sở Công an xã Phúc Triu	Xã Phúc Triu, TPTN	0,11	0,00			0,11
12	Trụ sở Công an xã Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	0,20	0,00			0,20
13	Trung tâm lưu trữ lịch sử thuộc Sở Nội vụ	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,27	0,00			0,27
14	Văn phòng đại diện Báo Nhân dân tại Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,03	0,00			0,03
15	Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,03	0,00			0,03
16	Nhà văn hóa tổ dân phố số 7	Phường Tân Long, TPTN	0,18	0,00			0,18
17	Trung tâm văn hóa thể thao phường Tân Long	Phường Tân Long, TPTN	0,29	0,00			0,29
18	Trung tâm văn hóa thể thao phường Tân Thành	Phường Tân Thành, TPTN	0,15	0,00			0,15
19	Nhà văn hóa tổ dân phố số 10	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,05	0,00			0,05
20	Trạm y tế phường Tân Thành	Phường Tân Thành, TPTN	0,10	0,00			0,10
21	Trạm y tế phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,02	0,00			0,02
22	Trường THCS Nguyễn Du	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,73	0,00			0,73
23	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở 915 (để giao đất)	Phường Gia Sàng, TPTN	1,23	0,00			1,23
24	Trường Mầm non Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	0,26	0,00			0,26
25	Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,24	0,00			0,24
26	Nhà hàng Hương Sơn	Phường Hương Sơn, TPTN	0,20	0,00			0,20
27	Trụ sở làm việc Chi hánh Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,11				0,11
28	Trụ sở văn phòng và xưởng bảo dưỡng lớp xe ô tô Mạnh Dũng	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0,13	0,13			0,00

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)			
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
29	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại xã Tân Cương, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	0,55	0,00			0,55
		Xã Thịnh Đức, TPTN	3,99	0,00			3,99
30	Xây dựng tuyến đường vào trường THPT Chuyên Thái Nguyên (thuộc Khu dân cư số 5B, phường Túc Duyên)	Phường Túc Duyên, TPTN	1,55	1,25			0,30
31	Hoàn thiện đường Bắc Nam - Hướng Thượng đoạn qua Khu dân cư tổ 14 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	0,57	0,57			0,00
		Phường Gia Sàng, TPTN	0,13	0,00			0,13
32	Đường giao thông tổ dân phố số 7, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0,01	0,00			0,01
33	Dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục công trình: Cầu Đá Mài)	Xã Tân Cương, TPTN	1,27	0,00			1,27
34	Dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục công trình: Kè chống sạt lở hai bên bờ sông Công - Đoạn 1)	Xã Tân Cương, TPTN	0,53	0,00			0,53
35	Đài tưởng niệm xã Linh Sơn	Xã Linh Sơn, TPTN	0,50	0,08			0,42
36	Hoàn thiện hạ tầng và khuôn viên cây xanh phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0,41	0,00			0,41
37	Cải tạo đường dây 110kV Thái Nguyên - Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	0,026	0,020			0,006
		Phường Quan Triều, TPTN	0,050	0,000			0,050
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0,028	0,000			0,028
		Xã Phúc Hà, TPTN	0,023	0,000			0,023
		Xã Phúc Xuân, TPTN	0,446	0,171			0,275
38	Xây dựng, hoàn trả phần diện tích đất thu hồi của Giáo họ Nam Sơn, xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên	Xã Linh Sơn, TPTN	0,30	0,00			0,30

PHỤ LỤC VII

Điều chỉnh tên, diện tích đối với công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt										Đề nghị điều chỉnh lại như sau					Nguyên nhân, lý do điều chỉnh		
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)			STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)						
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng					Đất khác	Đất khác					
A	Quyết định số 4131/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 và Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 14/9/2021																
1	Khu dân cư tổ 7, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	12,76	4,03		8,73	1	Khu đô thị tổ 7 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	14,40	4,03			10,37			
									Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	0,16	0,07			0,09			
2	Khu đô thị tổ 11, phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	1,69	1,39		0,30	2	Khu đô thị tổ 11 phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	1,83	1,39			0,44			
3	Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 2	Xã Sơn Cẩm, TPTN	29,74	8,74		21,00	3	Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 2	Xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	29,74	9,31			20,43			
4	Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 3	Xã Sơn Cẩm, TPTN	20,10	5,00		15,10	4	Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 3	Xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	28,63	2,42			26,21			
									Phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	19,44	18,89			0,55			
5	Khu dân cư tổ 14 (Khu nhà ở Thăng Long), phường Túc Duyên	Phường Gia Sang, TPTN	0,26			0,26	5	Khu dân cư tổ 14 (Khu nhà ở Thăng Long), phường Túc Duyên	Phường Gia Sang, thành phố Thái Nguyên Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	0,26				0,26			
6	Nhà máy sản xuất bê tông và gạch ngói Cường tại Cụm công nghiệp Cao Ngạn	Xã Cao Ngạn, TPTN	0,36	0,05		0,31	6	Nhà máy sản xuất bê tông và gạch ngói Cao Ngạn	Xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	0,87	0,13			0,74			
7	Trường tiểu học Cam Giá (Phân hiệu 2), Hạng mục: Sân nền, nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	Phường Cam Giá, TPTN	0,51			0,51	7	Trường Mầm non Cam Giá (Phân hiệu 2), Hạng mục: Sân nền, nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên	0,51				0,51			
8	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Xã Quyết Thắng, TPTN	44,43	13,59		30,84	8	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên Xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	10,70	4,12			6,58			
									Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	8,41	4,30			4,11			
									Xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	8,10	2,71			5,39			

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt										Đã nghị điều chỉnh lại như sau						
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
9	Khu dân cư đường Cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến+bên trái tuyến	TP.TN	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	9	đến xóm Cao Tráng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	11,35	4,18			7,17	UBND ngày 27/09/2018
10	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (doạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Phường Thịnh Dán, TP.TN	0,70				0,70	10	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (doạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Phường Thịnh Dán, thành phố Thái Nguyên	6,67	1,22			5,45	Điều chỉnh cơ cấu nội bộ diện tích các loại đất do trước đây tổng hợp theo bản đồ cũ và điều chỉnh góp thành 01 dự án để phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030
11	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (doạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Xã Quyết Thắng, TP.TN	18,11	6,29			11,82			Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	12,14	5,64			6,50	
12	(doạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Phường Thịnh Dán, TP.TN	0,20				0,20	11	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (doạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Phường Thịnh Dán, thành phố Thái Nguyên	5,04	1,61			3,43	Điều chỉnh cơ cấu nội bộ diện tích các loại đất do trước đây tổng hợp theo bản đồ cũ và điều chỉnh góp thành 01 dự án để phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030
13	Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Xã Quyết Thắng, TP.TN	18,12	5,56			12,56			Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	13,28	4,04			9,24	
B	Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh															
14	Đường dây và TBA 110KV Gia Sàng	Phường Tân Lập, TP.TN	0,97				0,97	1	Đường dây và Trạm biến áp 110KV Gia Sàng	Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	0,82	0,65			0,17	Điều chỉnh cơ cấu nội bộ diện tích các loại đất do trước đây UBND TP Thái Nguyên tổng hợp theo bản đồ cũ. Nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng và số liệu đo đạc, chính lý mới.
		Phường Thịnh Dán, TP.TN	0,02				0,02			Phường Thịnh Dán, thành phố Thái Nguyên	0,09				0,09	
15	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát sỏi khu vực sông Cầu, xã Hòa Thượng, xã Minh Lập, huyện Đông Hỷ, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương và xã Sơn Cầm, xã	Xã Cao Ngạn, TP.TN	6,51				6,51	2	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát sỏi khu vực sông Cầu, xã Hòa Thượng, xã Minh Lập.	Xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	6,51				6,51	Điều chỉnh cơ cấu nội bộ diện tích các loại đất do trước đây tổng hợp theo bản đồ cũ. Nay đã tổng hợp theo đúng hiện trạng và số liệu đo đạc, chính lý mới.
		Xã Sơn Cầm, TP.TN	12,20	0,20			12,00			Xã Sơn Cầm, thành phố Thái Nguyên	12,20	0,04			12,15	
C	Quyết định số 2429/QĐ-UBND ngày 07/10/2022 của UBND tỉnh															
16	Xây dựng Trụ sở Công an xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TP.TN	0,15	0,03			0,12	1	Trụ sở Công an xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	0,08				0,08	Điều chỉnh giảm quy mô diện tích từ 0,15 ha thành 0,08 ha do có sự thay đổi địa điểm, UBND thành phố Thái Nguyên đã điều chỉnh các bộ Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 5180/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
17	Xây dựng Trụ sở Công an xã Sơn Cầm	Xã Sơn Cầm, TP.TN	0,21				0,21	2	Trụ sở Công an xã Sơn Cầm	Xã Sơn Cầm, thành phố Thái Nguyên	0,12				0,12	Điều chỉnh giảm quy mô diện tích từ 0,21 ha thành 0,12 ha do có sự thay đổi địa điểm, UBND thành phố Thái Nguyên đã điều chỉnh các bộ Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 19/6/2023
18	Đường dây và Trạm biến áp 110KV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, xã Tân Cương, xã Phúc Trù, xã Phúc Xuân, TP.TN	1,77	0,66			1,11	3	Đường dây và Trạm biến áp 110KV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, xã Tân Cương, xã Phúc Trù, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên	2,57	1,00			1,57	Điều chỉnh tăng quy mô diện tích từ 1,77 ha thành 2,57 ha để phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030
D	Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh															
19	Xây dựng cảnh quan phía sau Quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, TP.TN	0,25				0,25	1	Xây dựng cảnh quan phía sau Quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên	2,53				2,53	Điều chỉnh tăng quy mô diện tích từ 0,25 ha thành 2,53 ha để phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, UBND thành phố Thái Nguyên đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 14/4/2023

Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt					Đề nghị điều chỉnh lại như sau					Nguyên nhân, lý do điều chỉnh					
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)						
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		Đất trồng lúa		Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
20	Xây dựng Ga Lưu Xá tại tổ 3, phường Phú Xá (hoàn trả diện tích đất thu hồi của Ga Lưu Xá thực hiện dự án phát triển đô thị động lực)	Phường Phú Xá, TPTN	0,26					0,26		Xây dựng hoàn trả hạ tầng Ga Lưu Xá tại tổ 3, phường Phú Xá				0,33	Điều chỉnh tăng quy mô diện tích từ 0,26 ha thành 0,33 ha để phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, HĐND thành phố Thái Nguyên đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 14/4/2023

Điều chỉnh tăng quy mô diện tích từ 0,26 ha thành 0,33 ha để phù hợp với điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, HDND thành phố Thái Nguyên đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 07/NQ-HDND ngày 14/4/2023

Phụ lục VIII

Danh mục 63 dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đưa ra khỏi Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (ha)	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2023	Diện tích đề nghị hủy bỏ (đối với dự án chưa thu hồi hoặc chưa cho phép CMD)	Lý do
I	Đưa ra khỏi Quyết định số 4131/QĐ-UBND ngày 30/12/2020					
1	Vườn ươm cây tại xóm Nam Tân Cương	Xã Tân Cương, TPTN	1,31		1,31	Quá 3 năm không thực hiện
2	Xây dựng, cải tạo hạ tầng khu dân cư tại tổ dân phố 11, phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,08		0,08	Quá 3 năm không thực hiện
3	Khu dân cư số 5 Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Gia Sàng, TPTN	0,13		0,13	Quá 3 năm không thực hiện
		Phường Tân Lập, TPTN	12,60		12,60	Quá 3 năm không thực hiện
4	Khu dân cư đôi bà Năm phường Đồng Bầm	Phường Đồng Bầm, TPTN	1,76		1,76	Quá 3 năm không thực hiện
5	Khu dân cư 7B phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	0,08		0,08	Quá 3 năm không thực hiện
6	Khu dân cư Ban Tích tại ngõ 536 đường CMT8 (thuộc đồ án quy hoạch khu dân cư số 5, phường Gia Sàng)	Phường Gia Sàng, TPTN	0,64		0,64	Quá 3 năm không thực hiện
7	Khu dân cư số 4 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	3,37		3,37	Quá 3 năm không thực hiện
8	Khu dân cư số 6 Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	3,26		3,26	Quá 3 năm không thực hiện
9	Khu dân cư số 3 phường Quan Triều	Phường Quan Triều, TPTN	0,77		0,77	Quá 3 năm không thực hiện
10	Khu dân cư Tân lập -Thịnh Đán (Khu số 1)	Phường Tân Lập, phường Thịnh Đán, TPTN	20,51		20,51	Quá 3 năm không thực hiện
11	Tòa nhà chung cư hỗn hợp CT2-khu đô thị Xương Rồng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,54		0,54	Quá 3 năm không thực hiện
12	Khu đô thị An Phú	Phường Tân Thịnh, TPTN	18,54		18,54	Quá 3 năm không thực hiện
		Phường Đồng Quang, TPTN	10,34		10,34	Quá 3 năm không thực hiện
13	Khu dân cư số 12	Phường Thịnh Đán, TPTN	3,65		3,65	Quá 3 năm không thực hiện
14	Khu dân cư số 5 Túc Duyên (hạng mục đường vào trường Chuyên Thái Nguyên)	Phường Túc Duyên, TPTN	0,90		0,90	Quá 3 năm không thực hiện
15	Khu dân cư số 5 Túc Duyên (Ban quản lý dự án)	Phường Túc Duyên, TPTN	0,13		0,13	Quá 3 năm không thực hiện
16	Khu dân cư 7A phường Túc Duyên, TPTN (Hạng mục đường và hệ thống thoát nước)	Phường Túc Duyên, TPTN	0,03		0,03	Quá 3 năm không thực hiện
17	Khu dân cư số 5, phường Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	5,32		5,32	Quá 3 năm không thực hiện
18	Khu dân cư phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	4,38		4,38	Quá 3 năm không thực hiện
19	Khu đất dự kiến hoàn vốn cho đầu tư xây dựng hạ tầng khu hành chính mới, huyện Đồng Hỷ	Phường Chùa Hang, Phường Đồng Bầm, TPTN	10,05		10,05	Quá 3 năm không thực hiện
20	Khu dân cư 2 bên đường Huống Thượng - Chùa Hang (Đoạn qua cổng phường Chùa Hang và phường Đồng Bầm)	Phường Chùa Hang, TPTN	4,07		4,07	Quá 3 năm không thực hiện
21	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 6 Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	1,47		1,47	Quá 3 năm không thực hiện
22	Nâng cấp, sửa chữa các khu chung cư cũ	Phường Trung Thành, TPTN	0,54		0,54	Quá 3 năm không thực hiện
23	Khu dân cư Nam Đại học kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên	Phường Tích Lương, TPTN	0,07		0,07	Quá 3 năm không thực hiện
24	Khu đô thị phía Nam thành phố Thái Nguyên (khu số 2)	Phường Trung Thành, TPTN	4,18		4,18	Quá 3 năm không thực hiện
25	Khu đô thị Nam sông Cầu	Phường Quang Vinh, TPTN	19,52		19,52	Trùng với dự án Khu đô thị Nam Sông Cầu diện tích 45,48 ha
26	Khu nông nghiệp công nghệ cao và khu tái định cư trường Đại học Việt Bắc	Phường Đồng Bầm, TPTN	0,49		0,49	Quá 3 năm không thực hiện
27	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư số 4,5, phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	3,42		3,42	Quá 3 năm không thực hiện

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (ha)	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2023	Diện tích đề nghị hủy bỏ (đối với dự án chưa thu hồi hoặc chưa cho phép CMD)	Lý do
28	Khu tái định cư và nhà ở xã hội của Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1	Xã Sơn Cẩm, TPTN	18,19		18,19	Quá 3 năm không thực hiện
29	Khu đô thị mới Cao Ngạn 2	Xã Cao Ngạn, TPTN	48,80		48,80	Quá 3 năm không thực hiện
30	Khu dân cư số 1 Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	11,64		11,64	Quá 3 năm không thực hiện
31	Điểm dân cư nông thôn xóm Đồng Danh	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5,20		5,20	Quá 3 năm không thực hiện
32	Xây dựng tạm nhà để xe và nhà đa năng của Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên	Phường Trương Vương, TPTN	0,04		0,04	Quá 3 năm không thực hiện
33	Xây dựng trụ sở UBND phường Trung Thành	Phường Trung Thành, TPTN	0,63		0,63	Quá 3 năm không thực hiện
34	Xây dựng trụ sở UBND xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	0,63		0,63	Quá 3 năm không thực hiện
35	Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Quan Triều	Phường Quan Triều, TPTN	0,50		0,50	Quá 3 năm không thực hiện
36	Trụ sở Công an xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	0,15		0,15	Quá 3 năm không thực hiện
37	Trụ sở Công an xã Cao Ngạn	Xã Cao Ngạn, TPTN	0,20		0,20	Quá 3 năm không thực hiện
38	Mở rộng Trụ sở Công an phường Trung Thành	Phường Trung Thành, TPTN	0,03		0,03	Quá 3 năm không thực hiện
39	Cải tạo nâng cấp Nhà thiếu nhi Thái Nguyên	Phường Trương Vương, TPTN	0,02		0,02	Quá 3 năm không thực hiện
40	Xây dựng Trạm y tế xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	0,11		0,11	Quá 3 năm không thực hiện
41	Trụ sở trung tâm giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên, TPTN	Phường Túc Duyên, TPTN	0,59		0,59	Quá 3 năm không thực hiện
42	Mở rộng trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc	Xã Quyết Thắng, TPTN	0,98		0,98	Quá 3 năm không thực hiện
43	Trường Mầm non Liên cơ gang thép	Phường Hương Sơn, TPTN	0,10		0,10	Quá 3 năm không thực hiện
44	Xây dựng trường mầm non Quang Vinh. Hàng mục: Sân nền, nhà lớp học, nhà hiệu bộ và các công trình phụ trợ trường mầm non Quang Vinh	Phường Quang Vinh, TPTN	0,50		0,50	Quá 3 năm không thực hiện
45	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng trường Tiểu học Tân Long	Phường Tân Long, TPTN	0,08		0,08	Quá 3 năm không thực hiện
46	Trường mầm non Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0,25		0,25	Quá 3 năm không thực hiện
47	Trường Tiểu học - THCS - THPT ICO SCHOOL THÁI NGUYỄN	Xã Quyết Thắng, TPTN	6,00		6,00	Quá 3 năm không thực hiện
48	Mở rộng trường tiểu học Trung Thành (hạng mục sân tập thể dục thể thao)	Phường Trung Thành, TPTN	0,00		0,00	Quá 3 năm không thực hiện
49	Sân Golf Hồ Núi Cốc	Xã Phúc Triu, TPTN	122,00		122,00	Quá 3 năm không thực hiện
		Xã Phúc Xuân, TPTN	12,82		12,82	Quá 3 năm không thực hiện
50	Khu công nghiệp Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	30,70		30,70	Quá 3 năm không thực hiện
		Xã Phúc Xuân, TPTN	60,00		60,00	Quá 3 năm không thực hiện
		Xã Phúc Hà, TPTN	14,27		14,27	Quá 3 năm không thực hiện
51	Khu kinh doanh dịch vụ thương mại, trưng bày giới thiệu sản phẩm kết hợp chăm sóc sắc đẹp và vui chơi giải trí cho trẻ em	Phường Đồng Quang, TPTN	0,02		0,02	Quá 3 năm không thực hiện
52	Quần thể du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí và đô thị FLC Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, xã Phúc Xuân và xã Phúc Triu, TPTN	40,00		40,00	Quá 3 năm không thực hiện
53	Trung tâm thương mại khách sạn, văn phòng cho thuê và căn hộ, phường Trưng Vương	Phường Trưng Vương, TPTN	0,34		0,34	Quá 3 năm không thực hiện
54	Tổ hợp khách sạn 4-5 sao tiêu chuẩn quốc tế, trung tâm hội nghị, khu phố đi bộ và nhà ở	Phường Trưng Vương, TPTN	1,86		1,86	Quá 3 năm không thực hiện
55	Trạm trộn bê tông thương phẩm tại xã Quyết Thắng TPTN	Xã Quyết Thắng, TPTN	2,00		2,00	Quá 3 năm không thực hiện

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 (ha)	Diện tích đã thu hồi hoặc đã cho phép CMD tính đến 31/12/2023	Diện tích đề nghị hủy bỏ (đối với dự án chưa thu hồi hoặc chưa cho phép CMD)	Lý do
56	Dự án số 1, Xây dựng hoàn thiện hệ thống đê bờ Hữu sông Cầu, đoạn qua thành phố Thái Nguyên và Dự án số 4, Xây dựng kè chống sạt lở hai bên sông, thuộc Đề án cấp bách hệ thống chống lũ lụt sông Cầu kết hợp hoàn thiện hạ tầng đô thị hai bên bờ sông Cầu	Xã Sơn Cẩm, TPTN	10,00		10,00	Quá 3 năm không thực hiện
		Phường Quan Triều, TPTN	3,45		3,45	Quá 3 năm không thực hiện
		Phường Quang Vinh, TPTN	11,30		11,30	Quá 3 năm không thực hiện
		Phường Hoàng Văn Thu, TPTN	0,90		0,90	Quá 3 năm không thực hiện
		Phường Trương Vương, TPTN	0,60		0,60	Quá 3 năm không thực hiện
		Phường Túc Duyên, TPTN	5,00		5,00	Quá 3 năm không thực hiện
		Phường Gia Sàng, TPTN	3,50		3,50	Quá 3 năm không thực hiện
		Phường Cam Giá, TPTN	3,50		3,50	Quá 3 năm không thực hiện
57	Khu Văn hóa thể thao vui chơi giải trí phục vụ công cộng Linh Sơn Hills	Xã Linh Sơn, TPTN	50,28		50,28	Quá 3 năm không thực hiện
58	Chuyển đổi mô hình quản lý Chợ Khu Tây	Phường Cam Giá, TPTN	0,24		0,24	Quá 3 năm không thực hiện
59	Nghĩa trang khu Nam-TP Thái Nguyên	Phường Tích Lương, TPTN	43,34		43,34	Quá 3 năm không thực hiện
II	Đưa ra khỏi Quyết định số 2883/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh					
60	Khu tái định cư cho các hộ dân bám mặt đường đào tròn Chùa Hang bị thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Phát triển tổng hợp đô thị động lực thành phố Thái Nguyên, vay vốn WB	Phường Chùa Hang, TPTN	0,08		0,08	Quá 3 năm không thực hiện
61	Đấu giá đất ở đô thị (Trụ sở Hạt Kiểm lâm thành phố Thái Nguyên)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0,06		0,06	Quá 3 năm không thực hiện
62	Đấu giá đất ở đô thị (Trụ sở Chi cục Thủy lợi tỉnh Thái Nguyên)	Phường Đồng Quang, TPTN	0,31		0,31	Quá 3 năm không thực hiện
63	Xây dựng khu nghỉ dưỡng lão và du lịch sinh thái	Xã Phúc Xuân, TPTN	18,94		18,94	Quá 3 năm không thực hiện

